

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC KỲ

LỚP CCNV17 - Sư phạm Ngữ văn (K38)
Học kỳ 2 - Năm học 2017-2018

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã MH	LCCB00232				LCCB10012				NVCB11222				NVCT10022				TACB00222				TGCB00222				TB	Xếp loại
					ĐVHT	3				1				2				2				2				2					
					% KT	40%				30%				30%				30%				30%				30%					
Lớp	KT	L1	L2	HP	KT	L1	L2	HP	KT	L1	L2	HP	KT	L1	L2	HP	KT	L1	L2	HP	KT	L1	L2	HP	KT	L1	L2	HP			
1	211707001	Chu Thùy Vân	Anh	29/10/99	CCNV17	5.8	6.0		5.9	7.5	6.5		6.8	7.3	7.0		7.1	8.3	6.5		7.0	2.4	6.8		5.5	7.0	8.5		8.1	6.7	Trung bình khá
2	211707003	R'ô H'	Bik	11/09/97	CCNV17	6.3	6.5		6.4	6.5	6.8		6.7	8.5	7.5		7.8	8.0	7.0		7.3	8.3	3.4		4.9	0.0	8.5		6.0	6.5	Trung bình khá
3	211707004		Chãi	16/02/98	CCNV17	1.5	3.0		2.4	7.0	5.5		6.0	6.8	5.0		5.5	6.5	5.0		5.5	4.4	3.3		3.6	7.0	7.5		7.4	4.8	Trung bình yếu
4	211707005		Đam	22/01/99	CCNV17	1.5	3.0		2.4	7.5	5.8		6.3	6.3	6.5		6.4	6.8	5.0		5.5	2.9	5.0		4.4	7.3	8.0		7.8	5.1	Trung bình
5	211707008	Nguyễn Hoàng Tiên	Dung	22/06/98	CCNV17	6.0	5.5		5.7	0.0	8.0		5.6	9.5	9.0		9.2	10.0	8.0		8.6	9.7	7.2		8.0	7.0	9.0		8.4	7.6	Khá
6	211707011	Đình Rơ Mah H'	Duyên	10/01/94	CCNV17	1.5	5.5		3.9	7.0	4.5		5.3	5.5	7.5		6.9	9.0	7.0		7.6	5.7	5.6		5.6	7.0	8.0		7.7	6.1	Trung bình khá
7	211707012		H' Thoải	01/08/99	CCNV17	8.0	6.5		7.1	7.0	6.5		6.7	9.0	8.0		8.3	8.5	8.0		8.2	9.2	7.0		7.7	7.3	8.5		8.1	7.7	Khá
8	211707014	Ksor	Hà	12/02/97	CCNV17	2.5	3.8		3.3	7.0	5.3		5.8	6.3	8.0		7.5	10.0	7.5		8.3	7.7	5.0		5.8	7.0	7.0		7.0	6.1	Trung bình khá
9	211707016	Nguyễn Thị	Hiên	08/02/99	CCNV17	6.5	5.5		5.9	7.0	6.8		6.9	8.8	8.0		8.2	7.8	7.0		7.2	9.4	6.2		7.2	7.0	8.0		7.7	7.1	Khá
10	211707017	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	01/03/99	CCNV17	5.8	5.5		5.6	7.5	7.3		7.4	7.3	7.5		7.4	8.3	7.0		7.4	6.8	5.6		6.0	7.3	8.5		8.1	6.8	Trung bình khá
11	211707021	Rơ Châm	Lai	25/11/99	CCNV17	6.0	6.0		6.0	7.0	7.0		7.0	8.0	6.5		7.0	8.0	7.0		7.3	3.8	5.6		5.1	7.0	5.0		5.6	6.3	Trung bình khá
12	211707022	Kpă H' Mai	Ly	29/10/98	CCNV17	8.5	4.0		5.8	8.5	6.8		7.3	9.0	8.5		8.7	7.8	8.0		7.9	9.1	3.6		5.3	7.0	8.0		7.7	7.0	Khá
13	211707023	Nay H'	Mai	19/09/98	CCNV17	2.5	7.0		5.2	6.0	7.3		6.9	8.5	7.0		7.5	7.5	8.5		8.2	7.3	3.5		4.6	7.0	8.0		7.7	6.5	Trung bình khá
14	211707024	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	03/03/99	CCNV17	4.5	4.0		4.2	7.0	3.0		4.2	8.0	8.0		8.0	8.5	8.0		8.2	6.1	4.6		5.1	7.3	8.0		7.8	6.3	Trung bình khá
15	211707025	Ksor	Nhung	11/10/98	CCNV17	1.5	1.8		1.7	7.5	6.3		6.7	6.3	7.0		6.8	6.5	7.5		7.2	3.2	2.4		2.6	7.3	7.5		7.4	5.0	Trung bình
16	211707026	Dương Thị	Phấn	16/12/97	CCNV17	6.5	5.0		5.6	8.5	7.0		7.5	8.0	7.5		7.7	8.3	7.5		7.7	4.8	4.0		4.2	7.7	8.0		7.9	6.6	Trung bình khá
17	211707027	Nay H'	Pleo	08/06/98	CCNV17	4.0	1.8		2.7	7.0	6.0		6.3	8.3	6.5		7.0	8.0	7.0		7.3	4.7	3.4		3.8	7.3	5.0		5.7	5.2	Trung bình
18	211707028	Kcom	Santa	23/08/97	CCNV17	1.5	0.5		0.9	7.0	6.0		6.3	6.3	5.0		5.4	5.0	5.5		5.4	1.5	3.4		2.8	7.7	3.0		4.4	3.8	Kém
19	211707029	Rơ Châm	Thắt	01/04/99	CCNV17	1.5	0.0		0.6	7.0	4.5		5.3	8.8	8.0		8.2	7.3	7.0		7.1	3.9	4.6		4.4	7.3	5.5		6.0	4.9	Trung bình yếu
20	211707030	Rơ Châm	Theng	29/04/97	CCNV17	2.0	1.5		1.7	7.5	4.3		5.3	5.8	5.0		5.2	7.3	5.0		5.7	5.7	4.6		4.9	7.0	4.0		4.9	4.3	Trung bình yếu
21	211707031	Lương Thị Quỳnh	Thương	28/12/98	CCNV17	5.8	2.5		3.8	7.0	7.3		7.2	7.5	7.5		7.5	7.5	7.0		7.2	6.8	6.0		6.2	7.3	2.5		3.9	5.7	Trung bình
22	211707032	Ksor H'	Thủy	04/09/98	CCNV17	2.5	3.8		3.3	6.5	6.0		6.2	8.8	8.0		8.2	7.8	8.0		7.9	8.5	6.2		6.9	7.3	5.0		5.7	6.1	Trung bình khá
23	211707033	Ngô Thị Huyền	Trân	02/12/99	CCNV17	0.0	0.0		0.0	0.0	5.5		3.9	3.0	6.0		5.1	3.3	8.0		6.6	1.5	3.0		2.6	7.0	6.0		6.3	3.8	Kém
24	211707035	Puih H'	Yel	03/04/99	CCNV17	7.5	2.5		4.5	7.0	5.3		5.8	8.3	8.0		8.1	8.0	7.5		7.7	4.4	4.1		4.2	7.0	6.0		6.3	6.0	Trung bình khá
25	211707036	Rah Lan	Yơn	13/03/96	CCNV17	1.5	4.0		3.0	7.0	7.3		7.2	6.3	7.0		6.8	7.0	7.5		7.4	4.7	5.6		5.3	7.2	4.0		5.0	5.4	Trung bình

Danh mục môn học

1	LCCB00232	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác 2	3
2	LCCB10012	Mỹ học và Giáo dục thẩm mỹ	1
3	NVCB11222	Làm văn	2
4	NVCT10022	Chuyên đề Tiếng việt 1	2
5	TACB00222	Tiếng Anh 2	2
6	TGCB00222	Tâm lý học lứa tuổi &TLHSP	2

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHÒNG ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày ... tháng ... năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lưu ý: - Điểm HP>=4.0 là học phần đạt.

Lê Thị Tuyết

ThS. Ngô Võ Thạnh

TS. Nguyễn Thị Thu Hà

- Điểm HP <4.0 là học phần không đạt (sinh viên phải học lại để trả nợ)